TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Cho

Ông Lò Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20, 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 20/8/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 04/10/2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1969 tại xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CN, xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ng *(đã chết)* và bà Phạm Thị Ấ, sinh năm 1942; có vợ là: Phạm Thị Ph, sinh năm 1968 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 22/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa kết án 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 24 ngày kể từ ngày tuyên án về tội *"Đánh bạc"*, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; có bố đẻ là ông Phạm Văn Ng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 chuyển tạm giam và đến ngày 06/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Đình Th, sinh năm 1993 tại xã PN, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn KX, xã PN, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1971 và bà Hồ Thị M, sinh năm 1969; có vợ là: Vũ Thị Ng, sinh năm 1993 và có 02 con, con

lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 28/3/2019 bị Công an huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Đánh bạc"*; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

3. Họ và tên: Trịnh Xuân C, sinh năm 1985 tại xã PY, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã PY, huyên TX, Tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố NT, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1954 và bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1959; có vợ là: Phùng Thị D, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Vì Anh B, sinh năm 1983 tại thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố CT, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Hồng C, sinh năm 1956 và bà Trịnh Thị L, sinh năm 1959; có vợ là: Hà Thị L, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Văn Q, sinh năm 1983, tại xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tr, xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1955 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1956; có vợ là: Hà Thị D, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Vì Văn H, sinh năm 1984 tại thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố CT, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn H *(tên gọi khác: Vì Anh H - đã chết)* và bà Trương Thị B, sinh năm 1949; có vợ là Lê Thị Ch, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo có mẹ là bà Trương Thị B được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Lương Văn S, sinh năm 1975 tại xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tr, xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn U, sinh năm 1946 và bà Vi

Thị Y, sinh năm 1946; có vợ là: Lê Thị Ch, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo có bố là ông Lương Văn U đã được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Lương Văn H, sinh năm 1989 tại xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tr, xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn D *(đã chết)* và bà Hà Thị Nh, sinh năm 1963; có vợ là: Lê Thị T, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 23/01/2019 bị Công an huyện Lang Chánh, tỉnh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Đánh bạc"*; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Vì Văn H và Lương Văn S: Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 5 năm 2019, Vì Văn H đến nhà Lương Văn H ở Thôn Tr, xã QH, huyện LC chơi. Trong lúc H ở nhà H thì Nguyễn Đình Th gọi điện cho H và được biết H đang ở nhà H. Th cùng chị Nguyễn Thị Tuyết là người đi cùng vào nhà H để gặp H. Một lúc sau có Vì Anh B, Lê Hồng Kỳ, Lê Văn Q, Lương Văn S, Trịnh Xuân C đến nhà H. Ngồi chơi được một lúc, các bị cáo rủ nhau đánh bạc và nhờ H chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc. H lấy kéo cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long thành 04 hình tròn, mỗi hình tròn có một mặt màu trắng và một mặt màu vàng gọi là các quân vị. Sau khi cắt xong H để chiếc kéo và 04 quân vị trên bàn uống nước của gia đình mình. Cùng lúc đó có Phạm Văn S đến nhà H và thấy trên bàn có 04 quân vị, Phạm Văn S cầm lên và nói *"Trời mưa gió ta làm một tý"*, ý là rủ những người khác đánh bạc, rồi cầm quân vị đi vào nhà bếp của gia đình H và lấy 01 bộ bát đĩa bằng sứ làm dụng cụ chơi xóc đĩa, những người khác đi theo và cùng đánh bạc. Lúc đầu có Phạm Văn S, Th, C, B đánh bạc với nhau, sau đó có thêm Q, Lương Văn S và H cùng tham gia. Phạm Văn S là người trực tiếp cầm cái, còn Th, C, B, Q, Lương Văn S và H tham gia đặt cửa.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Cách thức chơi và tính thắng thua như sau; Phạm Văn S cho 04 quân vị vào đĩa và úp bát lại rồi xóc (lắc) bộ bát đĩa bên trong có các quân vị, sau đó đặt xuống chiếu cho những người chơi đặt cửa. Người chơi có thể chọn đặt cửa "Chẵn" hoặc "Lẻ", khi người chơi đã chọn cửa "Chẵn" hoặc "Lẻ" thì đặt tiền vào cửa đã chọn. Số tiền

đặt cửa không bị giới hạn mức tối thiểu và mức tối đa. Sau khi những người chơi đặt cửa xong thì Phạm Văn S hoặc bất kỳ bị cáo nào trong số những người chơi sẽ mở bát để xác định "Chẵn", "Lẻ" và xác định thắng thua. Việc xác định "Chẵn", "Lẻ" được căn cứ vào màu của mặt ngửa lên của các quân vị. Nếu cả 04 quân vị cùng màu với nhau hoặc có 02 quân cùng một màu, 02 quân vị còn lại có cùng màu khác thì xác định là ván "Chẵn"; Nếu có 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị còn lại có màu khác thì xác định là ván "Lẻ". Trong ván "Chẵn" thì những người đặt cửa "Chẵn" là người thắng và được nhận lại tiền đã đặt cửa và một số tiền bằng số tiền đã đặt cửa từ người cầm cái, những người đặt cửa "Lẻ" là những người thua và bị mất số tiền đã đặt cửa cho người cầm cái, đối với ván "Lẻ" thì ngược lại.

Qúa trình đánh bạc, mặc dù H không yêu cầu, các bị cáo cũng không bàn bạc với H nhưng Q đã chủ động yêu cầu mỗi người đánh bạc nộp 100.000 đồng để trả công quét dọn cho H, riêng H được Q nộp thay. Số tiền thu được là 700.000 đồng, Q giữ lấy để sau khi chơi xong sẽ đưa cho H.

Các bị cáo đánh bạc từ lúc 15 giờ 30 phút đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, thì bị tổ tuần tra Công an huyện Lang Chánh bắt quả tang và thu giữ bộ dụng cụ dùng để đánh "xóc đĩa"; thu giữ trên chiếu bạc 2.000.000 đồng; thu giữ trên người Phạm Văn S 2.147.000 đồng, trên người C 112.00 đồng, trên người B 1.600.000 đồng, trên người Th 1.320.000 đồng, trên người Q 2.000.000 đồng, trên người Lương Văn S 20.000 đồng, trên người H 1.100.000 đồng, trên người Nguyễn Thị Tuyết 26.510.000 đồng; thu giữ 07 điện thoại đi động và 02 xe mô tô.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh đã trả lại số tiền 26.510.000đ, 07 điện thoại di động và chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36AA-751.27 cho chủ sở hữu. Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36B1-023.85, không liên quan đến hành vi đánh bạc, nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- Tổng số tiền thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là 10.299.000 đồng.

- 01 *(Một)* bát sứ, màu trắng, có in hoa văn màu hồng, đường kính 11cm;

- 01 *(Một)* đĩa sứ, màu trắng, có in hoa văn màu đỏ thẩm, đường kính 17,8cm;

- 01 *(Một)* kéo bằng kim loại, màu trắng, phần vỏ cán đã bị cháy, có các vết ố đen, chiều dài 15,5cm;

- 04 *(Bốn)* quân vị bằng giấy, hình tròn, mỗi quân vị có một mặt màu trắng và một mặt màu vàng, đường kính 02cm,.

Vật chứng vụ án hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS-LC ngày 19/8/2019 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Vì Văn H, Lê Văn Q, Trịnh Xuân C, Vì Anh B, Lương Văn S, Nguyễn Đình Th, Lương Văn H về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17 của BLHS đối với tất cả các bị cáo; Áp điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn S; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo Q, C, B; áp dụng các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo H, Lương Văn S; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Th; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của BLHS đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; các bị cáo Q, C, B từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; các bị cáo H, Lương Văn S từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; bị cáo Th từ 09 đến 12 tháng tù; bị cáo H từ 03 đến 06 tháng tù. Áp dụng khoản 3 Điều 321 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn S, Q, C, Th, B, H phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo H và Lương Văn S; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.299.000 đồng; tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy và 01 chiếc kéo bằng kim loại; các bị cáo Phạm Văn S, Q, C, Th, B, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo H, Lương Văn S.

Người bào chữa cho bị cáo Vì Văn H và Lương Văn S thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và điều luật áp dụng đối với các bị cáo; đề nghị HĐXX áp dụng mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đối với các bị cáo H, Lương Văn S; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H, Lương Văn S.

Các cáo Phạm Văn S, Th, C, B, Q, H, Lương Văn S, H thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Lang Chánh, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ thục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Đình Th, Trịnh Xuân C, Vì Anh B, Lê Văn Q, Vì Văn H, Lương Văn S, Lương Văn H thành khẩn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 30 phút đến 16 giờ 15 phút ngày 09/5/2019, tại nhà Lương Văn H, ở Thôn Tr, xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo đã cùng đánh bạc bằng hình thức chơi sóc đĩa. Đối với bị cáo Q, ngoài hành vi đánh bạc, bị cáo còn chủ động thu tiền của các bị cáo khác để trả tiền quét dọn cho chủ nhà, nhưng số tiền không lớn và không vì mục đích thu lợi nên chưa đủ yêu tố cấu thành tội "Gá bạc". Riêng bị cáo H không tham gia đánh bạc, nhưng có hành vi giúp sức thể hiện bằng việc cho các bị cáo khác mượn nơi ở của mình và chuẩn bị dụng cụ giúp các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, vì quy mô không lớn và không nhằm mục đích thu lợi nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội *"Gá bạc"*, nhưng bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm trong vụ án đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *"Đánh bạc"*. Số tiền sử dụng để đánh bạc trên năm triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 điều 321 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công cuộc xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Các bị cáo cùng tham gia đánh bạc, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn S là người khởi sướng và trực tiếp cầm cái nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo khác; các bị cáo C, Th, B là người đặt cửa và tham gia đánh bạc từ đầu, bị cáo Q tham gia sau nhưng tích cực trong việc kêu gọi thu tiền để trả cho chủ nhà nên cùng có vai trò thứ hai; các bị cáo H, Lương Văn S là người đặt cửa, nhưng tham gia với thời gian ngắn hơn nên cùng có vai trò thứ ba; riêng bị cáo H chuẩn bị dụng cụ đánh bạc và cho các bị cáo khác mượn nơi ở của mình làm nơi đánh bạc nhưng chỉ vì nể nang, không vì mục đích vụ lợi, quy mô đánh bạc không lớn nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ tư, thấp hơn các bị cáo khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo

Th, C, B, Q, H, Lương Văn S, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS; các bị cáo Phạm Văn S, Vì Văn H và Lương Văn S có bố, mẹ là người có công với cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo C, B, Q, H, Lương Văn S có nhân thân tốt, bị cáo H, Lương Văn S còn thuộc diện hộ nghèo, riêng bị cáo H đã ly hôn và một mình nuôi con nhỏ; bị cáo Phạm Văn S, trước khi phạm tội lần này, đã bị kết án tù cho hưởng án treo, nhưng đã được xóa án tích; thời gian từ khi được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, các bị cáo chấp tốt chủ trương, chính sách của đảng, quy định của pháp luật, nội quy, quy ước của địa phương; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ ăn năn, hối cải, có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì các bị cáo Phạm Văn S, C, B, Q, H, Lương Văn S có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo, học tập trở thành người tốt. Các bị cáo Th và H đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại phạm tội nên cần buộc phải chấp hành hình phạt tù mới có đủ diều kiện cải tạo, giáo dục để trở thành người tốt. Riêng bị cáo H phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo dùng tiền làm phương tiện phạm tội, sát phạt lẫn nhau, làm ảnh hưởng xấu đến điều kiện kinh tế của gia đình, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và góp phần ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo Th, H, Lương Văn S, H thấy, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, bị cáo H và Lương Văn S thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ; bị cáo Th là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo H là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của Bộ luật hình sự xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo H, Lương Văn S, Th, H. Các bị cáo Phạm Văn S, C, B, Q phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc bị thu giữ là 10.299.000 đồng cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 bộ bát đĩa bằng sứ và 04 quân vị bằng giấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 26.510.000 đồng, 07 điện thoại di động và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36AA-751.27 không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị

cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B1-023.85 không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn S, C, Q, B, H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Th, H, Lương Văn S bị kết án, nhưng H và Lương Văn S thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ; Th là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Đình Th, Trịnh Xuân C, Vì Anh B, Lê Văn Q, Vì Văn H, Lương Văn S, Lương Văn H phạm tội *"Đánh bạc"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn S; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đình Th; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo Trịnh Xuân C, Vì Anh B, Lê Văn Q; áp dụng các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo Vì Văn H, Lương Văn S; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Lương Văn H.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn S 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đình Th 09 *(Chín)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2019.

- Bị cáo Trịnh Xuân C 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 *(Mười tám)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Vì Anh B 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 *(Mười tám)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn Q 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 *(Mười tám)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Vì Văn H 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Văn S 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Văn H 03 *(Ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bắt thi hành án.

Giao các bị cáo Phạm Văn S cho UBND xã GA; Trịnh Xuân C, Vì Văn H, Vì Anh B cho UBND thị trấn LC; Lê Văn Q, Lương Văn S cho UBND xã QH, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Phạm Văn S, C, B, Q. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền phạt các bị cáo phải nộp một lần; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Th, H, Lương Văn S và H.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.299.000đ *(Mười triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng)*; Tịch thu tiêu huỷ 01 *(Một)* chiếc bát bằng sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân vị bằng giấy; 01 chiếc kéo bằng kim loại. Số vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-VKS-LC ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Về áp phí:

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc đối với các bị cáo Phạm Văn S, C, B, Q, H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo Th, H, Lương Văn S, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Án sử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám